

Số: *5334* /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *23* tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính
của thành phố giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTrHĐ/TU ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Kết luận số 363-KL/TU ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong thực hiện các Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X;

Thực hiện Kết luận số 384-KL/TU ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3669/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2018, Công văn số 4040/SNV-CCHC ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Tờ trình số 4203/TTr-SNV ngày 05 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu Chương trình cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BCD CCHC Chính phủ;
- Văn phòng CP;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng TU và các ban TU;
- VPUB: CPVP;
- UBMTTQVN thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Nội vụ (4b);
- Quận - Huyện ủy;
- Các cơ quan, báo đài;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (KSTT/ThL) HI.67

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Vĩnh Tuyên

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2018 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5334/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nhằm phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2018, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Rà soát, đánh giá lại cách thức tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính thời gian qua; qua đó, xác định cụ thể danh mục các nhiệm vụ phải hoàn thành theo kế hoạch từng năm, phân định rõ trách nhiệm của thủ trưởng từng cơ quan, đơn vị.

1.2. Tăng cường công tác phối hợp của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện; trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp nhằm tạo sự đồng bộ, hiệu quả trong hoạt động triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

2. Yêu cầu

2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2.2. Bảo đảm tính thiết thực, khả thi, đồng bộ, hiệu quả trong triển khai thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cải cách hành chính.

2.3. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm đối với từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kịp thời khắc phục, giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

Tập trung, thực hiện các giải pháp trọng tâm, trọng điểm để phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành các mục tiêu của Chương trình cải cách hành chính; bổ sung thực hiện các giải pháp mới phù hợp với yêu cầu quản lý, tăng cường trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với việc đẩy mạnh xây dựng thành công chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Chỉ tiêu đến năm 2020

2.1. Chỉ tiêu từng năm (2018, 2019, 2020) đều phải đạt được, cụ thể như sau:

2.1.1. Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt mức trên 80%; tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của từng lĩnh vực đều đạt trên 90%; sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt trên 80%.

2.1.2. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của thành phố; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm.

2.1.3. Có từ 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4; Năm 2018, có từ 70% trở lên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; trong đó có từ 10% trở lên số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính, có từ 15% trở lên số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính. Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện đạt từ 20% trở lên hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; trong đó có từ 10% trở lên số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính, có từ 15% trở lên số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính. Tỷ lệ này tăng dần đều 10% qua từng năm (2018, 2019, 2020). Năm 2018, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%. Tỷ lệ này tăng dần đều 10% qua từng năm (2018, 2019, 2020).

2.2. Về nội dung phấn đấu Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) của thành phố trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu cả nước, điểm chỉ số năm sau cao hơn năm trước

- Năm 2018: phấn đấu PAR Index trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.
- Năm 2019: phấn đấu PAR Index trong nhóm 07 địa phương dẫn đầu cả nước.
- Năm 2020: phấn đấu PAR Index trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu cả nước.

2.3. Xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thành đô thị thông minh vào năm 2020 tầm nhìn năm 2025

Thực hiện theo tiên độ của Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Cải cách thể chế hành chính, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

3.1.1. Xây dựng cơ chế đột phá cho thành phố theo Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 để xây dựng thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, có vai trò động lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính trong Đảng, thực hiện cải cách không chỉ trong nội bộ mà cần cải cách mối quan hệ giữa thành phố với các ban Đảng Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

3.1.2. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, gắn với công tác kiểm soát thủ tục hành chính, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật. Chú trọng việc đánh giá tác động của các chính sách, các thủ tục hành chính; đảm bảo kiểm soát chặt chẽ tính thống nhất, đồng bộ, khả thi và đặc thù của văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của thành phố. Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chú trọng cải cách thủ tục hành chính ngay trong công tác xây dựng thể chế, rút ngắn thời gian ban hành văn bản, đưa pháp luật nhanh chóng đi vào đời sống.

3.1.3. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và thành phố ban hành, nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp.

3.1.4. Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xã hội hóa; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng các dịch vụ tốt nhất cho người dân thành phố trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

3.2. Cải cách thủ tục hành chính

3.2.1. Chủ động rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, đề xuất giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực, nhất là thủ tục liên quan đến xây dựng, nhà đất, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, thuế, hải quan, nông nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, phí, lệ phí, hộ tịch, khiếu nại, tố cáo; nghiên cứu phương thức từ “tiền kiểm sang hậu kiểm” trong giải quyết thủ tục hành chính (cấp phép đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú, thành lập và đăng ký hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp...):

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan, đơn vị ở các cấp với nhau. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế phối hợp giữa sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tăng cường công tác kiểm tra, khảo sát, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng, tài nguyên, môi trường, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đăng ký cư trú, hộ tịch.

- Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80%, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của từng lĩnh vực đều đạt trên 90% vào năm 2020.

3.2.2. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ trong quy trình liên thông, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trong thực hiện cơ chế kiểm soát quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp chấn chỉnh, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 30/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chỉ đạo xử lý kịp thời, dứt điểm với phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; hướng dẫn, chỉ đạo xử lý kịp thời theo chức năng, thẩm quyền đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý; chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; việc thực hiện trách nhiệm giải thích, hướng dẫn thủ tục; kiểm soát số lượng hồ sơ phải bổ sung nhiều lần, bổ sung ngoài thời gian pháp luật quy định và nguyên nhân hồ sơ bị trễ hạn.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ trễ hạn theo Quyết định số 5157/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố; tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý nghiêm trường hợp cán bộ, công chức, viên chức giải quyết hồ sơ trễ hạn không có lý do chính đáng, đồng thời xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó.

3.2.3. Thực hiện việc công bố; cập nhật, niêm yết công khai các thủ tục hành chính theo quy định và bằng nhiều hình thức phù hợp, để nhân dân biết, thuận lợi trong thực hiện và nâng cao hiệu quả, vai trò giám sát các cơ quan, đơn vị trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính:

- Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; cập nhật đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Trang thông tin điện tử của thành phố; triển khai hiệu quả cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố để việc khai thác được hiệu quả.

3.2.4. Thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tập trung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

- Thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tập trung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; bố trí Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt chuẩn về diện tích; đảm bảo 100% Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn đạt chuẩn về trang thiết bị; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt chuẩn hiện đại; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020.

- Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông, một cửa liên thông điện tử giữa các sở, ban, ngành; giữa sở, ban, ngành với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, giữa Ủy ban nhân dân quận - huyện với phường - xã, thị trấn, giữa sở, ban, ngành thành phố với các cơ quan thuộc ngành dọc quản lý đóng trên địa bàn thành phố trong giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời mở rộng liên thông điện tử áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

3.2.5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ nâng cao chất lượng và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính với tổ chức, công dân và doanh nghiệp theo hướng xác định rõ quy trình giải quyết công việc, cơ quan chủ trì và trách nhiệm cá nhân.

3.3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.3.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; hoàn thành việc tổ chức lại các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định cho phù hợp với điều kiện của một đô thị loại đặc biệt:

- Rà soát quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, hoàn thiện quy chế làm việc, kiện toàn và sắp xếp bộ máy, rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp với lĩnh vực quản lý, điều hành; khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Kịp thời chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Triển khai quy định và thực hiện nghiêm trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước.

3.3.2. Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 244-KL/TU ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Thông báo số 30-TB/TW ngày 23 tháng 5 năm 2017 và Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị, sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố, đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền giải quyết công việc và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện:

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

- Xây dựng kế hoạch giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao. Các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp. Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015.

- Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp đến năm 2021.

3.3.3. Xây dựng quy chế phối hợp, phân công, phân cấp rõ ràng giữa các cơ quan, đơn vị để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy chính quyền thành phố, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là khi để xảy ra tiêu cực, phiền hà, nhũng nhiễu:

- Phân cấp phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của địa phương, tăng cường kiểm tra, giám sát, đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo sự quản lý thống nhất về quy hoạch và định hướng phát triển.

- Thực hiện đồng bộ phân cấp về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố.

3.3.4. Đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công. Tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả, chất lượng dịch vụ được từng bước nâng cao nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế:

- Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020.

- Rà soát, bổ sung các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thông tin... để thúc đẩy xã hội hóa tối đa các dịch vụ công.

3.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa

3.4.1. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm:

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thành và thực hiện nghiêm bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Tuân thủ các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; đảm bảo 100% cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Các quận - huyện phân công, bố trí cử 100% cán bộ công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do quận - huyện, thành phố tổ chức.

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền các cấp.

- Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, xây dựng cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền các cấp chuyên nghiệp để giải quyết công việc một cách nhanh, chủ động và từng bước chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm qua lại hoặc đẩy lên cấp trên.

- Ban hành quy trình xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuộc phạm vi mình quản lý. Cơ quan hành chính quản lý trực tiếp cán bộ, công chức chịu trách nhiệm đánh giá, phân loại cán bộ, công chức. Việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.4.2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong từng cơ quan, tổ chức, từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương, làm cơ sở cho kiện toàn tổ chức và tinh giản biên chế. Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ.

3.4.3. Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; nghiên cứu xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thống nhất, khoa học, khách quan nhằm động viên, khuyến khích, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng công hiến:

- Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với cán bộ, công chức, viên chức, với nhân dân.

3.4.4. Triển khai thực hiện thí điểm cơ chế thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp sở, ban, ngành thành phố, cấp phòng và tương đương gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo Đề án của Chính phủ.

3.4.5 Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Đổi mới nội dung và phương thức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí công tác (về kiến thức, kỹ năng và thái độ hành vi ứng xử) sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, có cơ cấu hợp lý, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công tác:

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức theo Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố giai đoạn 2016 - 2020 và các năm tiếp theo, trong đó tập trung đào tạo kỹ năng nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp. Đồng thời, có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác cải cách hành chính các cấp.

3.4.6. Nghiên cứu, kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường của công chức, viên chức trúng tuyển; tiếp tục thực hiện chế độ thi công chức theo nguyên tắc cạnh tranh.

Việc tuyển dụng cán bộ, công chức hành chính phải thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc, theo tiêu chí công khai, trên cơ sở phân tích, đánh giá, dự báo nguồn nhân lực hiện tại và tương lai. Thực hiện tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ công chức theo đúng vị trí việc làm đã được xác định theo Đề án đã được phê duyệt, quan tâm công tác đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra.

3.4.7. Xây dựng hình ảnh người cán bộ, công chức, viên chức thực sự thân thiện, gần dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, góp phần phòng ngừa quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3.5. Cải cách tài chính công

3.5.1. Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội chi đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối ngân sách thành phố theo hướng tích cực, đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

3.5.2. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

- Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Nghị số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

- Triển khai thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước, tiến tới xóa bỏ chế độ cấp kinh phí theo số lượng biên chế, thay thế bằng cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước khi có Đề án của Chính phủ.

3.5.3. Triển khai Đề án thực hiện và sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương; chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

3.5.4. Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, khoa học và công nghệ, hành chính - tư pháp, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển thành phố.

3.5.5. Đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; từng bước thực hiện chính sách điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp; chú trọng đổi mới cơ chế tài chính của các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế công lập theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch. Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế; nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh, từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

3.5.6. Nghiên cứu đổi mới phương thức chi kinh phí hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng xét cấp theo “chương trình mục tiêu”.

3.6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 gắn với triển khai Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và Đề án Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”. Cụ thể:

3.6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Đến năm 2020, các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định phải được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của thành phố. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Mở rộng việc liên thông điện tử thực hiện thủ tục hành chính giữa các cơ quan trên địa bàn. Trong đó, thực hiện liên thông điện tử với các sở, ban, ngành trong thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư qua mạng; xây dựng và vận hành phần mềm dùng chung của ngành y tế để quản lý đồng bộ, chia sẻ; liên thông dữ liệu bệnh án điện tử trong kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh” thuộc lĩnh vực y tế.

- Triển khai nhiều hình thức đa dạng, thiết thực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ qua mạng và nhận kết quả trực tuyến hoặc qua dịch vụ chuyển phát của Bưu điện thành phố) đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp được phục vụ mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan, kết nối chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức.

- Hình thành mới hoặc nâng cấp một số kênh giao tiếp giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp, tổ chức (Trung tâm tiếp nhận và cung cấp thông tin; Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố; Trang thông tin điện tử thành phố và các trang thành viên,...) để đảm bảo việc cung cấp thông tin và tăng cường sự giám sát của tổ chức, doanh nghiệp, người dân đối với sự phục vụ của chính quyền thành phố.

- Triển khai phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- Phân đấu vượt tất cả các chỉ tiêu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.6.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận huyện:

- Liên thông kết nối 04 cấp trong quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, các sở ban hành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, bảo đảm hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Ủy ban nhân dân thành phố đến các sở, ban, ngành, quận - huyện và phường - xã, thị trấn.

- Đến năm 2020: 100% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử trừ những văn bản mật; cán bộ, công chức, viên chức phải sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện;

- Triển khai hệ thống quản lý khiếu nại, tố cáo tại 4 cơ quan: Ban Tiếp công dân thành phố, Thanh tra thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; sơ kết nhân rộng đến 24 quận huyện và các sở, ban, ngành có liên quan nhằm theo dõi tình hình giải quyết khiếu nại của người dân, liên thông kết nối thông tin về khiếu nại, tố cáo giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Đưa vào sử dụng có hiệu quả hệ thống hội nghị trực tuyến phục vụ chỉ đạo điều hành, tổng kết, sơ kết giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- Chuẩn hoá các quy trình giải quyết công việc (chuyên môn, nghiệp vụ) trong nội bộ cơ quan nhà nước để triển khai tin học hoá các quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động dịch vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công gắn với ISO điện tử. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin về quản lý nhà nước của cơ quan đảm bảo kết nối liên

thông dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến Ủy ban nhân dân thành phố, từ các sở, ban, ngành đến các Ủy ban nhân dân quận - huyện; Ủy ban nhân dân quận - huyện đến phường - xã, thị trấn.

- Thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả Trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin thành phố Hồ Chí Minh phục vụ cho việc đánh giá thực trạng tình hình và dự báo định hướng phát triển các ngành kinh tế, xã hội, đô thị.

3.6.3. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, các cơ sở dữ liệu dùng chung, an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin thành phố:

- Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin của toàn thành phố với công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn an ninh thông tin. Kết nối hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông thành phố với xa lộ thông tin quốc gia và liên kết quốc tế.

- Tăng cường xây dựng, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt giữa Trung ương và địa phương.

- Thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin từ thành phố đến phường - xã, thị trấn theo Khung kiến trúc tổng thể chính quyền điện tử thành phố Hồ Chí Minh (EA) theo hướng dẫn Khung kiến trúc tổng thể Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước; xây dựng quy định việc chia sẻ thông tin của các đơn vị sở, ban, ngành, quận - huyện.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố theo xu hướng phát triển đô thị thông minh, đáp ứng việc kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia; ưu tiên kết nối các cơ sở dữ liệu phục vụ cho nhu cầu cấp bách của người dân, doanh nghiệp như: dân cư, hộ tịch, khai sinh, khai tử, đăng ký tạm vắng, đất đai, xây dựng, doanh nghiệp,...

3.6.4. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng:

Triển khai “Chương trình đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020” ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016; Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện tăng cường công tác đảm bảo an ninh và an toàn thông tin trong tình hình mới;

3.6.5. Mở rộng ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và quận - huyện; phường - xã, thị trấn.

3.6.6. Quy hoạch chuẩn hóa các công sở hành chính các cấp; đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính hiện đại, đáp ứng được yêu cầu hoạt động; trang bị phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ giải quyết công việc, chú ý bảo đảm công năng sử dụng và tránh lãng phí. Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương hiện đại, tập trung ở nơi có điều kiện.

Thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã, phường bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

3.7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

3.7.1. Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của thành phố; đề cao trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính đối với các thành viên được giao chủ trì chương trình cải cách hành chính theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; định kỳ 6 tháng/lần, thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Tổ chức kết nối, liên thông, điều phối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa Văn phòng Chính phủ với các bộ, ngành, địa phương; xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3.7.2. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai xác định và Công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

3.7.3. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ làm công tác cải cách hành chính trong nước và nước ngoài.

3.8. Khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức

3.8.1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chủ động lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân, tổ chức và doanh nghiệp để đề ra các giải pháp khả thi thực hiện có hiệu quả, hiệu lực trong công tác cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả các chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức để nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính phục vụ.

3.8.2. Thực hiện các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ, cải thiện căn bản các chỉ tiêu về môi trường đầu tư kinh doanh; thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp.

3.8.3. Tăng cường khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng, tài nguyên, môi trường, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đăng ký cư trú, hộ tịch.

3.8.4. Phối hợp Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố triển khai thực hiện Chương trình giám sát tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân và khảo sát sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn thành phố.

3.9. Công tác kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính

3.9.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính qua mạng, nhất là đối với lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp.

3.9.2. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý sau kiểm tra, thanh tra: kiểm tra việc bổ sung hồ sơ, trả hồ sơ thủ tục hành chính của người dân từ hai (2) lần trở lên; kiểm tra công tác cải cách hành chính, việc chấp hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn

1.1. Triển khai, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này vào Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện để kịp thời có các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

1.2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu, triển khai các nhiệm vụ tại Phụ lục (ban hành kèm theo Kế hoạch) gửi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) khi ban hành Đề án, Kế hoạch triển khai, các sản phẩm khi hoàn thành.

1.3. Chịu trách nhiệm cá nhân trước các cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của mình. Đánh giá và lấy hiệu quả, sáng tạo trong công tác cách hành chính để làm căn cứ, điều kiện để xét được hưởng thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Nghị quyết số 54/2017/QH14.

1.4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR Index theo ngành, lĩnh vực được giao; chủ động báo cáo các vướng mắc, khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR Index.

1.5. Báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, đột xuất.

2. Sở Nội vụ

2.1. Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.2. Tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố: tổ chức sơ kết hàng quý tình hình thực hiện Chương trình cải cách hành chính theo từng chuyên đề; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm và đột xuất; tổng kết thực hiện Chương trình cải cách hành chính.

2.3. Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

2.4. Chủ trì quán triệt, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện công tác cải cách hành chính; hướng dẫn việc triển khai thực hiện PAR Index tại các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

3.1. Chủ trì triển khai các nội dung về kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính

3.2. Chủ trì triển khai thực hiện Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố.

3.3. Đánh giá sự phù hợp của thủ tục hành chính và các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính với triển khai dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố.

3.4. Làm đầu mối tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố.

4. Sở Tư pháp

4.1. Theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

4.2. Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Sở Tài chính

5.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các nội dung cải cách tài chính công. Đảm bảo cân đối ngân sách, điều hành chi ngân sách thành phố hợp lý, hiệu quả; chủ trì tham mưu công tác huy động vốn để đầu tư phát triển:

- Phối hợp với Cục Thuế thành phố, Cục Hải quan thành phố quản lý và bồi dưỡng nguồn thu.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư khuyến khích kêu gọi đầu tư phát triển thành phố.

- Cân đối ngân sách, cải cách quản lý tài chính của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

5.2. Triển khai thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước khi có Đề án của Chính phủ; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

5.3. Căn cứ chủ trương của Chính phủ, chủ trì đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

5.4. Chủ trì, hướng dẫn thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan thành phố và địa phương, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

6.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những chính sách và giải pháp nhằm thực hiện sâu rộng hơn chủ trương xã hội hóa trên những lĩnh vực thành phố có thể thực hiện.

6.2. Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các đề án, dự án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, khuyến khích kêu gọi đầu tư phát triển.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

7.1. Chủ trì tham mưu triển khai xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Kế hoạch này.

7.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, quận - huyện thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, hiện đại hoá nền hành chính. Chỉ đạo các cơ quan báo chí phối hợp với các sở, ban, ngành, quận - huyện mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền cho thực hiện Kế hoạch này.

7.3. Thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin và ISO điện tử trong quản lý hành chính nhà nước.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

8.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

8.2. Chủ trì triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện ISO điện tử vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố.

9. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan khảo sát sự hài lòng của tổ chức và công dân về dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công và đề xuất các giải pháp khắc phục.

10. Sở Y tế

Chủ trì xây dựng và việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì triển khai cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

13. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao.

14. Thanh tra thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước theo quy định.

15. Học viện Cán bộ thành phố

Chủ trì lồng ghép các nội dung cải cách hành chính vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức.

16. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Báo Sài Gòn Giải phóng, Cổng thông tin điện tử thành phố, các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn thành phố

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ động báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Trần Vĩnh Tuyền



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ
ĐƯỢC PHÂN CÔNG CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I. Cải cách thể chế	Ban hành các quyết định, quy định, đề án nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố.	Các sở, ban, ngành được phân công nhiệm vụ theo Kế hoạch số 8127/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố	Các sở, ban, ngành, quận - huyện	Các sở, ban, ngành được phân công nhiệm vụ theo Kế hoạch số 8127/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố	X (Hoàn thành các đề án, quyết định)			Quyết định, Quy định, Đề án
	Nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân	Giám đốc Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện	X (Trong Quý IV năm 2018)			Chỉ thị

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	dân, Ủy ban nhân dân thành phố gắn với trách nhiệm của từng đơn vị soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản.							
	Đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật với công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận và lĩnh vực được xác định trọng tâm theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	Giám đốc Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	X	X	X	
2. Cải cách thủ tục hành chính	Nghiên cứu rà soát, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính/nhóm thủ tục	Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp phối hợp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân	Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân	X (Cuối năm 2018)			Phương án đơn giản hóa

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	hành chính về cấp phép đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú, thành lập và đăng ký hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo phương thức từ “tiền kiểm sang hậu kiểm” trong giải quyết thủ tục hành chính.	với Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	dân quận – huyện	dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận – huyện				
	Xây dựng quy trình phối hợp các sở - ngành, quận - huyện có thời hạn giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp và người dân.	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Dự thảo và lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy định trong Quý IV/2018	Trình UBND TP ban hành trong Quý I/2019 và triển khai	Triển khai thực hiện và sơ kết (nếu có)	Quyết định
	Xây dựng giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quy trình một	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ	x	x	x	Quyết định/Công văn chi đạo

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp kiểm soát quy trình giải thích, hướng dẫn thủ tục để khắc phục tình trạng hồ sơ phải bổ sung nhiều lần; bổ sung ngoài thời gian pháp luật quy định.		dân quận - huyện	tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện				
	Rà soát và công bố danh mục các thủ tục hành chính thực hiện theo quy trình một cửa liên thông của các cấp trên địa bàn thành phố.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	(Trong Quý IV năm 2018)	Rà soát để bổ sung, sửa đổi danh mục	Rà soát để bổ sung, sửa đổi danh mục	Danh mục thủ tục hành chính đang thực hiện theo quy trình một cửa liên thông
	Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP	- Văn phòng UBND thành phố. - Sở Nội vụ. - Sở Thông tin và Truyền	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Thực hiện theo tiến độ được phân công tại Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chủ			

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	của Chính phủ và Quyết định số 4541/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố).	Thông - Sở Tài chính.	nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		tịch UBND thành phố			
	Kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành	x	x	x	Quyết định công bố
	Tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện;	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	30%-40% thủ tục hành chính được xử lý trực	30%-40% thủ tục hành chính được xử lý trực	30%-40% thủ tục hành chính được xử lý trực	Công văn triển khai

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông		tuyển mức độ 3, 4	tuyển mức độ 3, 4	tuyển mức độ 3, 4	
	Tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	30% hồ sơ thủ tục hành chính	30% hồ sơ thủ tục hành chính	30% hồ sơ thủ tục hành chính	
	Cấp đăng ký kinh doanh qua mạng.	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân - huyện	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân - huyện	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Đạt từ 70% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trở lên, đạt 20% hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trở lên	Đạt từ 80% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trở lên, đạt 30% hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trở lên	Đạt từ 90% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trở lên, đạt 40% hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
							trở lên	
	Cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng.	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp thành phố	10% hồ sơ được tiếp nhận	20% hồ sơ được tiếp nhận	30% hồ sơ được tiếp nhận	
	Nghiên cứu, rà soát danh mục dịch vụ công không trực tuyến (có ý nghĩa xã hội tốt).	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Nghiên cứu, rà soát trong quý IV năm 2018	Báo cáo kết quả nghiên cứu, rà soát và Danh mục	Rà soát, bổ sung, sửa đổi, danh mục	Quyết định phê duyệt Danh mục
3. Về cải cách tổ chức bộ máy	Tập trung rà soát tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Giám đốc Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện	x	x	x	Quyết định

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	các quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện gắn với tỉnh biên chế.							
	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NQ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Sở Nội vụ	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015	Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015	Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015	Quyết định

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Xây dựng kế hoạch giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao.	Giám đốc Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Trong Quý IV năm 2018			Quyết định
	Giảm đơn vị sự nghiệp công lập.	Giám đốc Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	giảm 10% đơn vị	giảm 10% đơn vị	giảm 10% đơn vị	Quyết định
4. Xây dựng, nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo từng danh mục đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Nội vụ	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	100% cơ quan có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm	100% cơ quan có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm	100% cơ quan có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm	Quyết định
	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo,	Giám đốc Sở Nội vụ	Các sở, ban,	Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở,	x	x	x	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025.		ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện				
	Thực hiện thí điểm cơ chế thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp Sở - ngành Thành phố, cấp phòng và tương đương gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp.	Ban Tổ chức Thành ủy	Giám đốc Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Theo Đề án của Chính phủ	Theo Đề án của Chính phủ	Theo Đề án của Chính phủ	
5. Cải cách tài chính công	Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 16/2015/ND-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ	Giám đốc Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	x	x	x	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	của đơn vị sự nghiệp công lập.							
	Triển khai thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với tổ chức sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	Giám đốc Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	x	x	x	
	Triển khai thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Giám đốc Sở Tài chính	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	
	Triển khai Đề án thực hiện và sử	Giám đốc Sở Tài chính	Giám đốc Sở Nội vụ,	Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở	x	x	x	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương; chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.		Ban Tổ chức Thành ủy	Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện				Quyết định, Công văn hướng dẫn
6. Hiện đại hóa nền hành chính	Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”.	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thực hiện theo Chương trình đột phá bổ sung: Đề án “Xây dựng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” (theo Kết luận số 363-KL/TU ngày 01 tháng 8 năm 2018)			
	Xây dựng, triển	Giám đốc Sở	Các sở,	Giám đốc Sở Thông	(Trong	Triển	Triển	Quyết

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	khai kiến trúc chính quyền điện tử thành phố.	Thông tin và Truyền thông	ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	tin và Truyền thông Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Quý IV năm 2018)	khai các Đề án, Kế hoạch	khai các Đề án, Kế hoạch	định
	Hướng dẫn giải pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật cho các sở, ban, ngành, UBND quận-huyện trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Trong Quý IV năm 2018			Văn bản hướng dẫn
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công việc.	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Cuối năm 2018, 100% các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân			Phần mềm

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
					thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải xử lý được hồ sơ công việc trên môi trường mạng			
	Mở rộng ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, 9001:2015 kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và quận -	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	100% cơ quan công bố	100% cơ quan công bố	100% cơ quan công bố	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	huyện.							
7. Công tác kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.	Giám đốc Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thủ trưởng Các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	Ít nhất 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Ít nhất 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Ít nhất 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Kế hoạch
	Tiếp tục triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính. Định kỳ hàng quý có chuyên đề đánh giá về cải cách	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn	Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn Giải phóng Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	x	x	x	

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	hành chính để thông tin, tuyên truyền.		Giải phóng, Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện					
8. Công tác khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Phối hợp triển khai thực hiện Chương trình phối hợp Giám sát tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân và khảo sát sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên	Ban thường trực MTTQVN TPHCM	Sở Nội vụ, Viện nghiên cứu Phát triển thành phố	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện	x	x	x	Báo cáo

Nhiệm vụ chung	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thực hiện	Tiến độ thực hiện/kết quả thực hiện			Sản phẩm
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	địa bàn thành phố giai đoạn 2018 - 2020 giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.							
	Triển khai hiệu quả công tác khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu. Đánh giá và xây dựng giải pháp chấn chỉnh những hạn chế, nâng cao kết quả sự hài lòng của người dân, tổ chức.	Viện trưởng Viện nghiên cứu Phát triển thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ, Văn phòng UBND TP; các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện	Viện trưởng Viện nghiên cứu Phát triển thành phố. Mời Ban thường trực MTTQVN TPHCM tham gia đánh giá.	x	x	x	Báo cáo, Quyết định, Chi thị

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH